

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

Bậc đào tạo: Cao đẳng liên thông (C2)

Môn học: Công nghệ sản xuất may công nghiệp

Lớp: 25C2_CNM

Ngày thi: ____ / ____ / 20

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 102

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 40 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

Câu 1: Công đoạn ráp nối bao gồm quá trình

- A. May các chi tiết
- B. Ủi định hình các chi tiết, ủi tạo hình
- C. Lắp ráp sản phẩm
- D. Tất cả các quá trình trên

Câu 2: Thời gian làm việc trong ngày theo qui định của luật lao động là 8 giờ, trừ 30 phút nghỉ trưa hoặc nghỉ giữa ca. Vậy thời gian thực tế sản xuất là:

- A. 2700 giây
- B. 2220 giây
- C. 27000 giây
- D. 25000 giây

Câu 3: Yêu cầu về ủi:

- A. Sản phẩm ủi xong không có hiện tượng sau: vàng, trầy, ó bản mặt vải
- B. Các chi tiết của sản phẩm không bị phồng rộp hay bong
- C. Tất cả những điểm trên bề mặt của sản phẩm phải thẳng khi gấp vào và đảm bảo về yêu cầu thẩm mỹ của sản phẩm
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 4: Công tác chuẩn bị sản xuất về nguyên phụ liệu do ai phụ trách?

- A. Nhân viên của kho nguyên phụ liệu, nhân viên phòng kỹ thuật
- B. Nhân viên phòng kỹ thuật, chuyên trưởng
- C. Nhân viên của kho nguyên phụ liệu, chuyên trưởng
- D. Chuyên trưởng, tổ trưởng

Câu 5: Xem xét thành phần của sợi dệt như sợi pha, sợi bông, sợi tổng hợp,..., cơ cấu dệt, vân điểm, vân chéo,..., cách bố trí hoa văn, tuyết, caro,..., để có khái niệm cơ bản trong việc sử dụng nguyên liệu một cách tối ưu nhất vì tính chất của mỗi loại nguyên liệu tạo thuận lợi cho việc chọn phương pháp _____

- A. Giác sơ đồ
- B. Lựa chọn trang phục
- C. Quy cách lắp ráp
- D. Lý do khác

Câu 6: Diện tích mẫu giác sơ đồ SM = 8,53 mét vuông, chiều dài sơ đồ = 6,2 mét, rộng sơ đồ = 1,56 mét. Phần thừa hữu ích (I) là:

- A. 90 %
- B. 85 %
- C. 88 %
- D. 87 %

Câu 7: Một mã hàng 3000 sản phẩm áo sơ mi kiểu có sử dụng vải phối ở phần manchet (4 chi tiết/sản phẩm), kích thước bán thành phẩm của manchet: rộng = 7cm, dài = 26,5 cm, hướng canh sợi dọc theo chiều dài manchet. Khổ vải hữu dụng (đã trừ biên) = 1,18 mét, các chi tiết cần chừa thêm 0,5cm cho cắt phá. Định mức vải phối sử dụng cho manchet là:

- A. 216 mét B. 305,2 mét C. 115 mét D. 212 mét

Câu 8: Khi kiểm tra thành phẩm, cần kiểm tra những nội dung gì?

- A. Hình dáng sản phẩm, thông số kích thước, đường kim mũi chỉ, vệ sinh công nghiệp
B. Thông số kích thước, quy cách lắp ráp, sự đối xứng, sự đồng màu, đường kim mũi chỉ
C. Hình dáng sản phẩm, quy cách lắp ráp, đường kim mũi chỉ, thông số kích thước
D. Quy cách lắp ráp, vệ sinh công nghiệp, đường kim mũi chỉ, thông số kích thước

Câu 9: Vải sợi nylon thường co do:

- A. Giặt B. Ủi C. Nhuộm D. Tất cả các ý trên

Câu 10: Trong nhảy mẫu, ký hiệu δ được gọi là

- A. Hệ số chia cách B. Cự ly dịch chuyển
C. Sự biến thiên kích thước của các cỡ vóc D. Điểm nhảy

Câu 11: Vết bẩn do phần màu ta xử lý như thế nào?

- A. Dùng dung dịch Javel nồng độ 0,5g/l B. Dùng dung dịch H₂SO₄ nồng độ 0,5g/l
C. Dùng dung dịch NH₄OH nồng độ 3% D. Dùng xà phòng

Câu 12: Khi phối kiện áo sơ mi nam, dài tay có măng set, độ 2 lớp, có túi gồm bao nhiêu chi tiết

- A. 20 B. 18 C. 13 D. 21

Câu 13: Dùng dung dịch Borak 10% sẽ tẩy được các loại vết bẩn nào:

- A. Vết bẩn do dầu mỡ B. Vết rỉ sét
C. Vết bẩn từ nước trà D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 14: Nhảy mẫu theo sự biến thiên chiều ngang cơ thể gọi là

- A. Nhảy cỡ B. Nhảy vóc C. Nhảy mẫu D. Nhảy cỡ vóc

Câu 15: Trong các câu sau, đáp án nào thuộc nguyên tắc kiểm tra đo đếm nguyên phụ liệu:

- A. Đối với các loại vải mềm cần vận chuyển nhẹ nhàng, tránh hư hỏng, không dẫm chân lên nguyên liệu
B. Phát vải cho phân xưởng cắt theo đúng mã hàng và số lượng theo kế hoạch
C. Đo đếm phân loại màu sắc, khổ vải, chiều dài, chất lượng vải một cách chính xác
D. Tất cả các câu đều đúng

Câu 16: Chuẩn bị vải trải cho bàn cắt có chiều dài sơ đồ 6,40 mét, trải 100 lớp, hao phí đầu bàn trải là 0,02 mét. Tính lượng vải cần trải cho bàn cắt trên.

- A. 640 mét B. 648 mét C. 642 mét D. 630 mét

Câu 17: Những nhiệm vụ sau đây, nhiệm vụ nào không thuộc nhiệm vụ của phòng KCS

- A. Kiểm tra chất lượng toàn bộ từ khâu đầu đến khâu cuối và có kết luận rõ ràng
B. Lập biên bản những trường hợp sai qui trình kỹ thuật, sai hỏng sản phẩm gây thiệt hại kinh tế cho xí nghiệp và qui rõ trách nhiệm thuộc về ai
C. Lập bảng thống kê chi tiết sản phẩm
D. Lập báo cáo tháng, quý về tình hình chất lượng sản phẩm gửi lên cấp trên

Câu 18: Mục đích của việc giác sơ đồ là gì?

- A. Nhằm nâng cao năng suất cắt, tiết kiệm được nguyên liệu và thời gian
- B. Nhằm nghiên cứu tính chất nguyên phụ liệu
- C. Cắt các chi tiết của sản phẩm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật một cách thống nhất
- D. Câu A và C đúng

Câu 19: Việc nhảy mẫu phải thực hiện theo nguyên tắc:

- A. Mỗi cỡ vóc trong bộ mẫu phải bảo đảm đúng thông số kích thước theo yêu cầu kỹ thuật
- B. Các đường lắp ráp trong mỗi cỡ vóc phải ăn khớp với nhau như mẫu thiết kế
- C. Mẫu mới hoặc chi tiết nhảy mẫu mới chỉ cần đúng thông số kích thước
- D. Câu A, B đúng

Câu 20: Có độ giãn lớn nhất là canh vải:

- A. Vuông góc với biên vải
- B. Song song với biên vải
- C. Biến thiên so với biên vải
- D. Biến thiên so với biên vải một góc 45 độ

Câu 21: Hàng để trong kho phải đảm bảo các yêu cầu nào?

- A. Chống chuột bọ
- B. Chống mối mọt
- C. Phòng cháy chữa cháy
- D. Tất cả các ý trên

Câu 22: Khi giác sơ đồ thường giác số cỡ vóc tối thiểu và tối đa là bao nhiêu

- A. Tối thiểu là 1 và tối đa là 6
- B. Tối thiểu là 1 và tối đa là 8
- C. Tối thiểu là 2 và tối đa là 8
- D. Tối thiểu là 2 và tối đa là 6

Câu 23: Sau khi ủi hơi xong ta cần làm gì?

- A. Gấp xếp
- B. Treo sản phẩm lên để hơi nước còn lại bốc đi
- C. Đóng gói
- D. Tất cả các ý trên

Câu 24: Sản phẩm sau khi may xong phải làm gì

- A. Cho vào hòm
- B. Chuyển đến kho lưu trữ
- C. Giao cho khách hàng
- D. Đóng gói

Câu 25: Khổ vải 1,5 mét. Khi Giác sơ đồ trừ biên vải 4 cm biên. Khổ hữu dụng (khổ sơ đồ) là bao nhiêu?

- A. 1,38 mét
- B. 1,36 mét
- C. 1,46 mét
- D. 1,4 mét

Câu 26: Vải may áo sơ mi trải tối đa bao nhiêu lớp

- A. 50 lớp
- B. 100 lớp
- C. 150 lớp
- D. 200 lớp

Câu 27: Sau khi may mẫu xong, người may phải

- A. Chuyển mẫu cho khách hàng duyệt
- B. Tổng hợp tất cả những sai sót bất hợp lý của mẫu mỏng, báo cáo ngay với người thiết kế mẫu để chỉnh lý
- C. Chuyển mẫu cho phân xưởng may
- D. Tất cả các ý trên

Câu 28: Diện tích mẫu giác sơ đồ SM = 8,53 mét vuông, chiều dài sơ đồ = 6 mét, rộng sơ đồ = 1,53 mét. Phần trăm hữu ích (I) là:

A. 93 %

B. 85 %

C. 95 %

D. 87 %

Câu 29: Các lỗi vải do vận chuyển bảo quản là:

A. Vải bị mốc, mục

B. Vải bị ẩm ướt, rách

C. Vải bị mối, nhện cắn

D. Tất cả các lỗi trên

Câu 30: Hình ảnh sau là dây chuyền sản xuất gì?



A. Dây chuyền dọc

B. Dây chuyền ngang

C. Dây chuyền bó

D. Dây chuyền nhóm

Câu 31: Một Doanh nghiệp sản xuất hàng gia công mã hàng A có số lượng 4000 sản phẩm, định mức vải 1 mét / 1 sản phẩm, khách hàng đồng ý cung cấp vải với hao phí sản xuất (thay thân, lỗi sợi, đầu khúc...) là 2%. Lượng vải nhu cầu doanh nghiệp phải nhận là:

A. 4000 mét

B. 4020 mét

C. 4080 mét

D. 4200 mét

Câu 32: Khi ghép các bước công việc ta tiến hành ghép theo

A. Bạc thợ và loại công việc

B. Chũm loại máy và bạc thợ

C. Chũm loại máy và loại công việc

D. Loại công việc và tay nghề công nhân

Câu 33: Khi sản xuất theo phương thức tự sản tự tiêu thì tỷ lệ cơ rút được xác định như thế nào?

A. Tính theo công thức

B. Khách hàng đã tính sẵn và báo cụ thể

C. Không cần tính

D. Dựa vào tính chất từng loại nguyên liệu mà xử lý

Câu 34: Bàn trải vải dài tối thiểu là bao nhiêu mét

A. 5m

B. 6m

C. 7m

D. 8m

Câu 35: Bộ mẫu mỹ thuật là:

A. Bản vẽ các trang trình bày (portfolio) thiết kế của các chuyên viên thiết kế mẫu

B. Bản vẽ thiết kế chi tiết sản phẩm

C. Các bộ sưu tập (catalog) và bản vẽ các trang trình bày (portfolio) thiết kế của các chuyên viên thiết kế mẫu

D. Bản vẽ mô tả sản phẩm

Câu 36: Mục đích đánh số:

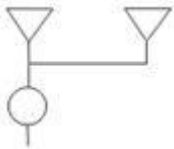
A. Kiểm tra các chi tiết

B. Kiểm tra số lớp vải trên mặt bàn

C. Tránh sự khác biệt màu sắc giữa các chi tiết

D. Cả B, C đều đúng

Câu 37: Hình sau có ý nghĩa gì



- A. Sơ đồ lắp ráp chi tiết
B. Sơ đồ lắp ráp các chi tiết không bằng nhau
C. Sơ đồ lắp ráp các chi tiết bằng nhau
D. Sơ đồ lắp ráp 3 chi tiết

Câu 38: Một mã hàng 3000 sản phẩm áo sơ mi kiểu có sử dụng vải phôi ở phần manchette (4 chi tiết/sản phẩm), kích thước bán thành phẩm của manchette: rộng = 7cm, dài = 26cm, hướng canh sợi dọc theo chiều dài manchette. Khổ vải hữu dụng (đã trừ biên) = 1,18 mét, các chi tiết cần chừa thêm 0,5cm cho cắt phá. Định mức vải phôi sử dụng cho manchette là:

- A. 212 mét
B. 305,2 mét
C. 216 mét
D. 500 mét

Câu 39: Chuẩn bị vải trái cho bàn cắt có chiều dài sơ đồ 6 mét, trái 100 lớp, hao phí đầu bàn trái là 0,02 mét. Tính lượng vải cần trái cho bàn cắt trên.

- A. 600 mét
B. 602 mét
C. 620 mét
D. 630 mét

Câu 40: Bảng sản lượng hàng là bảng:

- A. Liệt kê nhiều mã hàng cần sản xuất
B. Liệt kê các cỡ vóc, màu sắc, số lượng hàng cần sản xuất của một mã hàng
C. Liệt kê số sản phẩm cần sản xuất của mã hàng
D. Tất cả các câu đều đúng

Hết

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ